

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HSST
Ngày: 16/7/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liều

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Điều H, sinh năm 1999, tại Bình Phước

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 00/12; Dân tộc: M Nông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ (đã chết) và bà Thợ V (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- Người bị hại: Trần Hoàng M, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 04/02/2019, Điều H đến nhà anh Trần Hoàng M tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B rủ anh M xuống ao tắm. Trước khi xuống ao, anh M để trên bờ 01 ví (bóp) đựng tiền và 01 hộp trang sức bên trong để 02 nhẫn vàng rồi cùng H xuống ao tắm. Lúc sau, H lên bờ trước thấy ví đựng tiền và hộp trang sức của anh M nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H mở hộp trang sức lấy 02 nhẫn vàng bỏ vào túi quần đang mặc rồi để hộp lại chỗ cũ. Anh M lên bờ kiểm tra phát hiện mất 02 nhẫn vàng nên hỏi H thì H trả lời không lấy. Sau đó H mang 02 nhẫn vàng đến tiệm vàng “Kim T” của chị Mai Thị Th thuộc thôn Th, xã Đ bán được 4.925.000 đồng. H mua 01 điện thoại hiệu ASUS trị giá 2.990.000 đồng tại tiệm

“Chung Linh” thuộc thôn Th cùng xã Đ, số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Anh M yêu cầu H cùng đến Công an xã Đ làm việc thì H thừa nhận hành vi trộm cắp như trên.

Tại bản kết luận định giá số 10 ngày 26/02/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Hện Bù Đăng xác định: 02 nhẫn vàng tại thời điểm xảy ra tội phạm (ngày 04/02/2019) có giá trị 4.900.000 đồng (BL 18 - 19)

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã bị thu giữ.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT – VKS - BĐ ngày 11/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Điều H về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều H phạm “Tội trộm cắp tài sản”; Về hình phạt, đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Điều H từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ASUS; Buộc bị cáo phải nộp án phí theo luật định.

Bị cáo Điều H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Hện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 14 giờ ngày 04/02/2019, bị cáo tắm cùng với anh Trần Hoàng M tại ao nhà anh M ở thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh B anh M để trên bờ 01 ví (bóp) đựng tiền và 01 hộp trang sức bên trong để 02 nhẫn vàng. Khi đang tắm bị cáo lên bờ trước, bị cáo nhìn thấy hộp đựng trang sức trong bóp của anh M rơi ra, bị cáo nhặt và mở ra xem thấy bên trong có 02 nhẫn vàng, lợi dụng lúc anh M không để ý bị cáo lấy 02 nhẫn vàng bỏ vào túi quần đang mặc rồi để hộp lại chỗ cũ. Khi anh M phát hiện mất tài sản hỏi nhưng bị cáo không thừa nhận mà đi về rồi mang 02 nhẫn vàng đến tiệm vàng “Kim T” của chị Mai Thị Th thuộc thôn Th, xã Đ bán được 4.925.000 đồng. Số tiền trên H mua 01 điện thoại hiệu ASUS trị giá 2.990.000 đồng tại tiệm “Chung L” thuộc thôn Th, xã Đ

số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Anh M yêu cầu H cùng đến Công an xã Đ làm việc thì H thừa nhận hành vi trộm cắp nhẫn vàng của anh M.

Hai nhẫn vàng mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại tại thời điểm phạm tội có giá trị 4.900.000đ.

Từ những căn cứ trên đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài nên đã phạm tội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản bị thiệt hại có giá trị không lớn đã thu hồi trả cho người bị hại; Bị cáo là người dân tộc thiểu số mồ côi cha mẹ, không được đi học nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo mình dưới sự giám sát của cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương làm người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật là phù hợp.

[5] Về vật chứng vụ án: 02 nhẫn vàng Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho người bị hại anh Trần Hoàng M là phù hợp nên được chấp nhận; 01 điện thoại di động ASUS cảm ứng màu đen xám là tài sản do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Điều H phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Điều H về Ủy ban nhân dân xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động ASUS cảm ứng màu đen xám bị bể màn hình. (theo biên bản giao, nhận vật chứng số 0009695 ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Điều H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Huyện Bù Đăng;
- CCTHADS Huyện Bù Đăng;
- Công an Huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Huệ

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 ngày 16 tháng 7 năm 2019;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và bà Lê Thị Thận.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với:

Bị cáo: Điều H, sinh năm 1999

HKTT: Thôn Đăk L, xã Đăk Nhau, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Điều H phạm “Tội trộm cắp tài sản”. (Biểu quyết 3/3).

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (biểu quyết 3/3).

Giao bị cáo Điều H về Ủy ban nhân dân xã Đăk Nhau, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động 01 điện thoại di động ASUS cảm ứng màu đen xám bị bể màn hình (theo biên bản giao, nhận vật chứng số 0009695 ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (biểu quyết 3/3).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Điều H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 7 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HĐXX

T.P – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Liêu

Lê Thị Thận

Nguyễn Văn Huệ